

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 26/3/2021.

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 473/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 72/2021/TB-TA ngày 09/3/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh ĐVD**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp SH, xã VĐ, h.TS, tỉnh An Giang. (Có mặt).

*** Bị đơn: Chị PTD**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp THA, TTOC, h. TS, tỉnh An Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh ĐVD trình bày như sau:* Anh và chị PTD do tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 20/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ anh là chị D ghen tuông vô cớ, nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ

khác. Thời gian qua, anh cũng đã giải thích nhiều lần với chị D chỉ là nhắn tin qua lại bạn bè với nhau chứ không có gì nhưng chị D không tin, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2020 và vợ chồng ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 04 con chung tên ĐTV, sinh ngày 09/8/2009, ĐDM, sinh ngày 06/3/2011, ĐHM, sinh ngày 25/11/2016 và ĐKT, sinh ngày 13/01/2019. Hiện nay các con chung đang sống cùng với chị D. Nếu được ly hôn, anh đồng ý giao các con chung cho chị D được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị PTD trình bày như sau:*

Chị và anh ĐVD tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2008, hôn nhân lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn ngày 20/6/2008. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi chị mang thai cháu thứ 4. Do thời gian này, chị phát hiện anh Dn có nhắn tin và điện thoại với người phụ nữ khác (anh Dn nói là bồ cũ của anh) và anh còn nhận là anh còn yêu cô ấy. Vì vậy, hai vợ chồng có cự cãi với nhau, anh Dn bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 17/9/2020 và vợ chồng sống ly thân tới nay. Thời gian qua, chị đã nhiều lần năn nỉ anh quay về với vợ con, cùng chăm lo hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị vẫn còn thương chồng, thương con, không muốn gia đình bị chia rẽ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh Dn.

- Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 04 con chung tên ĐTV, sinh ngày 09/8/2009, ĐDM, sinh ngày 06/3/2011, ĐHM, sinh ngày 25/11/2016 và ĐKT, sinh ngày 13/01/2019. Hiện nay các con chung đang sống cùng với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Dn phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định giữa chị và anh Dn không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh Dn tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi cháu 1.300.000 đồng/ tháng đến khi các con chung trưởng thành. Chị D vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình như tại các buổi hòa giải tại Tòa.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: Anh Dn được ly hôn với chị D. Về con chung: Giao 04 con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Dn tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu 1.300.000 đồng/tháng. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Anh Dn yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn và kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh ĐVD khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị PTD có nơi cư trú tại ấp Tân Hiệp A, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, anh Dn và chị D kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Óc Eo ngày 20/6/2008 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng anh Dn và chị D phát sinh mâu thuẫn, anh Dn xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa anh Dn và chị D thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau. Anh Dn và chị D xác định 2 vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 tới nay. Thời gian qua Tòa án có tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng anh chị cũng không gặp nhau để trao đổi, bàn bạc tìm ra biện pháp hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và anh chị cũng không nhờ người thân hòa giải cho vợ chồng hàn gắn. Anh Dn kiên quyết ly hôn với chị D, chị D vẫn còn thương chồng, thương con nên yêu cầu được đoàn tụ.

Cuộc sống hôn nhân, vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh DN và chị D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại và không muốn sống chung lại nữa, mặc dù đã có thời gian để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng phía anh Dn đã cương quyết ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh Dn và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc

cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh Dn là được ly hôn với chị D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung tên Đặng Tường Vy, sinh ngày 09/8/2009, Đặng Diễm My, sinh ngày 06/3/2011, Đặng Hoàn Mỹ, sinh ngày 25/11/2016 và Đặng Khánh Thy, sinh ngày 13/01/2019. Chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung và anh Dn cũng đồng ý giao 04 con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của anh Dn và chị D là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy chị D không có yêu cầu anh Dn phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng tại phiên tòa, anh Dn tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu 1.300.000đ/ tháng đến khi con chung trưởng thành phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nghị cần công nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị D phải tạo điều kiện cho anh Dn được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung.

[2.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Anh Dn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Dn đã nộp nên anh Dn còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh ĐVD được ly hôn với chị PTD.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64, quyển số 01/07-08 do Ủy ban nhân dân thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 20/6/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Dn và chị D.

Giao 04 con chung tên ĐTV, sinh ngày 09/8/2009, Đ DM, sinh ngày 06/3/2011, ĐHM, sinh ngày 25/11/2016 và ĐKT, sinh ngày 13/01/2019 cho chị D được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Dn tự nguyện cấp dưỡng nuôi cho các con chung là cháu Vy, cháu My, cháu Mỹ và cháu Thy là 1.300.000 đồng/ tháng/ một cháu (một triệu ba trăm ngàn đồng trên một tháng trên một cháu), đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị D phải tạo điều kiện cho anh Dn được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, giữa anh Dn và chị D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: HĐXX không xem xét về nợ chung nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì anh Dn và chị D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Anh DVD phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con chung) là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008036 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên anh Dn còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Anh Dn và chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Óc Eo;
- UBND xã Vọng Đông;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân